TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 103/2023/DS-PT
Ngày: 15-3-202

V/v tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tài sản bị xâm phạm.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Phước Hội

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Thanh Mỹ

Bà Lê Thị Trúc Phương

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lâm Hồng Diễm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Bạch Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 15/3/2023 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 393/2022/TLPT- DS ngày 18 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp bồi thường thiệt ngoài hợp đồng do tài sản bị xâm phạm.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 22/2022/DS-ST ngày 22/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2023/QĐPT-DS ngày 16 tháng 01 năm 2023 giữa:

1. Nguyên đơn: Phạm Văn H, sinh năm 1989. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp Cà V, xã Thông B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ: Khóm 3, thị trấn S, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người đại diện theo pháp luật*: Ông Mai Văn S; Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người đại diện theo ủy quyền* là ông Phan Ngọc M, sinh năm 1976, chức vụ: Giám đốc Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện T, tỉnh Đồng Tháp. (Có mặt)

Địa chỉ: Khóm 3, thị trấn S, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Công ty trách nhiệm hữu hạn H. (Có mặt)

Địa chỉ: Phường 9, thành phố V, tỉnh V.

- *Người đại diện theo pháp luật* là ông Nguyễn Đình S, sinh năm 1966, chức vụ: Giám đốc Công ty.

Địa chỉ: Phường 9, thành phố V, tỉnh V.

3.2. Phạm Văn H, sinh năm 1950; (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Cà V, xã Thông B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

3.3. Cao Xuân T, sinh năm 1973. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Tân C, xã Diễn N, huyện D, tỉnh N.

4. Người kháng cáo: Ông Phạm Văn H là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn anh Phạm Văn H trình bày:

Ngày 27/01/2018, Ủy ban nhân dân huyện T có Thông báo số 355/TB-UBND thông báo về việc thu hồi diện tích đất 1.041m^2 tại thửa đất số 2689, thuộc tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp Cà V, xã Thông B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp do anh đứng tên quyền sử dụng đất để xây dựng công trình cầu T. Anh đã chấp hành theo Thông báo nêu trên của Ủy ban huyện T, kể từ đó công trình bắt đầu khởi công và đất của anh được Công ty TNHH H dùng để đổ các vật tư thi công công trình như: cát, đá, xi măng, cột bê tông, nhưng sau đó không hiểu vì sao ngày 22/4/2019 Ủy ban huyện T ban hành Quyết định số 290/QĐ.UBND.NĐ về việc thu hồi Thông báo số 355 nêu trên, do thay đổi vị trí xây dựng cầu. Trong khi qua nhiều lần làm việc thì ngày 28/3/2019 anh đã thống nhất với giá bồi thường mà các cơ quan có thẩm quyền đưa ra, ngoài ra ông Lê Văn L là Giám đốc Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện T còn nói cho tạm ứng trước 50% số tiền bồi thường nên anh nghĩ như vậy là Ủy ban huyện T đã thu hồi đất rồi nên mới cho công ty thi công sử dụng đất để các vật tư thi công công trình làm cho anh không thể canh tác (trồng bắp) được và đất bị ô nhiễm do những vật tư nêu trên gây ra, nên anh khởi kiện yêu cầu Ủy ban huyện T bồi thường thiệt hại về tài sản các khoản với tổng số tiền là 521.700.000đồng. Nhưng trong quá trình giải quyết vụ án anh thay đổi yêu cầu khởi kiện, anh yêu cầu Ủy ban huyện T và Công ty TNHH H có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại về tài sản

cho anh các khoản như sau: 03 vụ bắp diện tích 1.041m^2 mỗi vụ thu hoạch lợi nhuận là 74.350.000đồng x 03 vụ, lợi nhuận là 223.000.000đồng, anh thay đổi chỉ yêu cầu mỗi vụ thu nhập lợi nhuận là 70.305.000đồng x 03 vụ, lợi nhuận là 210.915.000đồng; 03 năm đất bị nhiễm bê tông, cát, đá, xi măng diện tích 418m^2 là 268.700.000đồng, anh thay đổi yêu cầu bồi thường hoa lợi 03 năm canh tác bắp với lợi nhuận mỗi vụ là 28.230.000đồng x 03 năm = 09 vụ là 254.070.000đồng; phí cải tạo đất 03 năm là 30.000.000đ nay anh thay đổi yêu cầu là phí cải tạo đất mỗi năm là 9.360.000đồng x 03 năm là 28.080.000đồng. Tổng số tiền anh yêu cầu bồi thường thiệt hại là 493.065.000đ.

- Bị đơn Ủy ban nhân dân huyên T trình bày:

Ban đầu dự kiến thu hồi phần đất của anh H để xây dựng cầu T nên Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện T mới tham mưu cho Ủy ban huyện T ban hành Thông báo về việc thu hồi đất số 355/TB-UBND ngày 27/11/2018. Sau đó qua nhiều lần làm việc do không thống nhất được giá đất bồi thường với các hộ có đất dự kiến thu hồi nên mới thay đổi vị trí xây dựng cầu, Ủy ban huyện T chưa có quyết định thu hồi đất hay văn bản nào khác yêu cầu anh H phải giao đất để thi công cầu, công trình cũng chưa định vị bàn giao mặt bằng trên thực địa. Do đó, các thiệt hại của anh H (nếu có) là do anh H để đơn vị sử dụng mặt bằng để chứa các vật liệu như: cát, đá, xi măng, bãi đỗ và chứa cọc bê tông chứ không liên quan đến trách nhiệm của Ủy ban huyện T. Vào thời điểm đó cầu T chưa triển khai thi công, chỉ mới đóng cọc thử dưới lòng sông Cái Cái để đơn vị tư vấn thiết kế có cơ sở thiết kế chiều dài cọc cho cầu T nên thiệt hại của anh H (nếu có) không phải do Ủy ban huyện T gây ra nên Ủy ban huyện T không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn, không đồng ý bồi thường.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

+ Công ty trách nhiệm hữu hạn H là ông Nguyễn Đình S trình bày: Việc Công ty để các vật liệu như: cát, đá, xi măng, bãi đỗ và chứa cọc bê tông trên phần đất của anh H để thi công cầu T thì đã có thỏa thuận thuê từ ba của anh H là ông Phạm Văn H, thỏa thuận miệng thuê khoáng phần đất của anh H (lúc đó ông S không biết phần đất đó do anh H hay ông H đứng tên) để vật tư thi công cầu 02 lần với số tiền 10.000.000đồng, sau đó nhân viên của Công ty là anh Cao Xuân T đã trả tiền thuê cho ba của anh H là ông H đầy đủ. Việc Công ty sử dụng phần đất của anh H đã có thỏa thuận thuê và trả tiền xong, nên Công ty không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn, không đồng ý bồi thường. Tuy nhiên, Công ty tự nguyện hỗ trợ cho nguyên đơn thêm 05 triệu đồng.

+ Ông Phạm Văn H trình bày: Ông thừa nhận có thỏa thuận cho anh Cao Xuân T (là nhân viên của Công ty TNHH H) thuê khoáng mặt bằng để dựng nhà tiền chế cho công nhân ở, để vật liệu xây dựng, máy móc và đã nhận được số tiền thuê do anh T trả là 10.000.000đồng, cộng với 2.000.000đ anh T thuê ông giữ đồ đạc khi anh T và các công nhân về quê ăn Tết Nguyên đán năm 2019, tổng cộng là 12.000.000đồng. Nhưng ông chỉ cho thuê phần đất cặp bên dưới (về hướng nam) phần đất được quy hoạch làm cầu T lúc đó, không liên quan gì đến phần đất mà con ông là anh Phạm Văn H khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt

hại trong vụ án.

+ Anh Cao Xuân T trình bày: Trước đây anh có làm công cho Công ty TNHH H nhưng anh không có thuê đất của ông H mà chỉ có chấm công cho công nhân, cũng không biết ai thuê, thuê diện tích bao nhiêu và giá bao nhiêu.

Tại bản án DSST số: 22/2022/DSST ngày 22/9/2022 của Tòa án huyện T tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là anh Phạm Văn H về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp và Công ty trách nhiệm hữu hạn H liên đới bồi thường thiệt do tài sản bị xâm phạm với tổng số tiền là 493.065.000đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty trách nhiệm hữu hạn H về việc hỗ trợ cho anh Phạm Văn H 5.000.000đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Phạm Văn H phải chịu 23.722.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 12.434.000đồng theo biên lai số 0008091 ngày 05-6-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Tháp, anh Phạm Văn H còn phải nộp tiếp số tiền 11.288.000đồng.

Ủy ban nhân dân huyện T; Công ty trách nhiệm hữu hạn H; Ông Phạm Văn H; Anh Cao Xuân T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo và thời hạn theo luật định.

- Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 03/10/2022 anh Phạm Văn H có đơn kháng cáo không đồng ý toàn bộ bản án sơ thẩm, anh yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

Anh Phạm Văn H vẫn giữ yêu cầu kháng cáo.

- Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của anh Phạm Văn H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của anh H, Hội đồng xét xử xét thấy: Anh H cho rằng Ủy ban huyện T có Thông báo số 355/TB-UBND, ngày 27/01/2018 về việc thu hồi diện tích đất 1.041m^2 tại thửa đất số 2689, thuộc tờ bản đồ số 03, đất tọa lạc tại ấp Cà V, xã Thông B, huyện T, do anh H đứng tên quyền sử dụng đất để xây dựng công trình cầu T nên anh nghĩ Ủy ban huyện T đã thu hồi đất của anh rồi nên anh mới cho Công ty H sử dụng diện tích đất để vật tư thi công cho công trình. Nhưng đến ngày 22/4/2019 Ủy ban huyện T lại ban hành Quyết định số 290/QĐ-UBND-NĐ về việc thu hồi lại Thông báo số 355 nêu trên với lý do thay đổi vị trí xây dựng cầu và Công ty H cũng đã di dời toàn bộ vật liệu xây dựng sang địa điểm mới. Do đó, anh H cho rằng anh không thể canh tác (trồng bắp) được vì đất đã bị ô nhiễm do những vật tư còn xót lại trên đất, nên anh yêu cầu Ủy ban huyện T và Công ty TNHH H có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại về tài sản do anh không canh tác sản xuất được và anh yêu cầu bồi thường thiệt hại do đất bị ô nhiễm trong thời gian Công ty chứa vật liệu xây dựng với tổng số tiền là 493.065.000đồng.

Đối với yêu cầu bồi thường của anh H, án sơ thẩm xử không chấp nhận đơn khởi kiện của anh là hoàn toàn có căn cứ. Bởi vì: Ủy ban huyện T không có lỗi trong việc ban hành Quyết định số 290/QĐ.UBND.NĐ, ngày 22/4/2019 về việc thu hồi lại Thông báo số 355/TB-UBND, ngày 22/11/2018 với lý do: Qua nhiều lần Cơ quan có thẩm quyền làm việc với các hộ dân có đất bị quy hoạch làm cầu T để thống nhất giá đền bù, nhưng giữa Cơ quan chuyên môn và các hộ dân không thỏa thuận thống nhất được giá đất bồi thường theo dự kiến thu hồi lúc ban đầu theo Thông báo số 355/TB-UBND của Ủy ban huyện, nên Ủy ban huyện không thể thu hồi đền bù, giải tỏa được, vì thế Ủy ban huyện mới ban hành Quyết định số 290/QĐ.UBND.NĐ để thu hồi lại Thông báo số 355/TB-UBND và làm thủ tục, giải tỏa đền bù ở vị trí khác để xây dựng cầu thuận tiện hơn về mặt giao thông và Ủy ban huyện T cũng chưa có một Quyết định hay văn bản nào để thu hồi đất hay Quyết định nào khác yêu cầu anh H phải giao đất để cho Cơ quan có thẩm quyền tiến hành thi công công trình. Việc anh H cho rằng Ủy ban huyện đã thu hồi đất của anh để xây dựng công trình là suy nghĩ chủ quan của anh. Mặt khác, việc Công ty H để vật liệu xây dựng trên đất của anh là có sự thỏa thuận giữa Công ty với cha anh là ông H và anh cũng đã biết việc thỏa thuận này, về nghĩa vụ Công ty H cũng đã thực việc chi trả tiền thuê đất như đã thỏa thuận với ông H và ông cũng đã nhận tiền và làm biên nhận để cho Công ty thuê mặt bằng xong, nên Công ty H cũng không có lỗi trong việc thiệt hại mà anh yêu cầu bồi thường. Tuy nhiên, tại phiên tòa Công ty H cũng đã tự nguyện hỗ trợ cho anh H số tiền 5.000.000đồng, nên án sơ thẩm ghi nhận sự tự nguyện của Công ty là có lợi anh H.

Từ những nhận định trên, xét yêu cầu kháng cáo của anh là không có căn cứ để chấp nhận, nên giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Do giữ nguyên bản án sơ thẩm, nên anh H phải chịu án phí phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của anh H, giữ nguyên bản án sơ

thẩm. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

Các phần khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; Khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 589 Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận đơn kháng cáo của anh Phạm Văn H.

2. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 22/2022/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T.

3. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là anh Phạm Văn H về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp và Công ty trách nhiệm hữu hạn H liên đới bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm với tổng số tiền là 493.065.000đồng.

4. Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty trách nhiệm hữu hạn H về việc hỗ trợ cho anh Phạm Văn H 5.000.000đồng.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Phạm Văn H phải chịu 23.722.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 12.434.000đồng theo biên lai số 0008091 ngày 05/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Tháp, anh Phạm Văn H còn phải nộp tiếp số tiền 11.288.000đồng.

Ủy ban nhân dân huyện T; Công ty trách nhiệm hữu hạn H; Ông Phạm Văn H; Anh Cao Xuân T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

6. Án phí phúc thẩm: Anh Phạm Văn H phải chịu 300.000đ tiền án phí phúc thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí kháng cáo theo biên lai thu số 0010887, ngày 07/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T (anh H đã nộp xong).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện T;
- TAND huyện T;
- Phòng KTNV- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ddã ký

Trần Phước Hội